



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 25 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty là 8.681.594 triệu VND (2016: 5.690.658 triệu VND).

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông theo tỷ lệ 50% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 5 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức). Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 10 tháng 3 năm 2017 và đã được thực hiện trong Quý 1 và Quý 2 năm 2017.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 31, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 5 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-073-2017-a



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.510.449.428.243	2.678.376.858.621
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	515.263.544.879	664.810.224.233
Tiền	111		12.653.544.879	7.710.224.233
Các khoản tương đương tiền	112		502.610.000.000	657.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		947.704.703.609	2.006.611.218.864
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.433.459.640	24.803.994.233
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.821.643.641	2.457.895.098
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	519.900.000.000	327.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	419.549.600.328	1.652.349.329.533
Hàng tồn kho	140		671.867.964	493.655.585
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.809.311.791	6.461.759.939
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	29.684.808.361	5.192.212.940
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.020.714.903	1.062.516.089
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	15.103.788.527	207.030.910

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		26.349.038.467.430	11.505.634.424.585
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.099.000.000	148.004.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	148.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		4.099.000.000	4.000.000
Tài sản cố định	220		55.483.372.004	58.029.076.301
Tài sản cố định hữu hình	221	8	26.113.605.095	28.629.473.357
Nguyên giá	222		69.208.490.141	63.963.126.004
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.094.885.046)	(35.333.652.647)
Tài sản cố định vô hình	227	9	29.369.766.909	29.399.602.944
Nguyên giá	228		31.969.306.640	31.773.096.640
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.599.539.731)	(2.373.493.696)
Bất động sản đầu tư	230	10	215.668.517.343	226.571.903.611
Nguyên giá	231		295.423.374.882	291.858.675.266
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(79.754.857.539)	(65.286.771.655)
Tài sản dở dang dài hạn	240		20.901.654.922	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	20.901.654.922	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	26.046.404.800.000	11.071.287.679.806
Đầu tư vào công ty con	251		26.045.704.800.000	11.158.244.026.533
Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	5.730.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(93.386.346.727)
Tài sản dài hạn khác	260		6.481.123.161	1.741.764.867
Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	6.481.123.161	1.741.764.867
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.859.487.895.673	14.184.011.283.206

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		529.208.815.969	211.460.052.426
Nợ ngắn hạn	310		529.208.815.969	211.460.052.426
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	29.848.191.210	5.142.478.766
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	595.023.490	8.268.648.795
Phải trả người lao động	314		1.470.758.000	1.242.441.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.670.415.465	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.082.746.028	2.266.202.609
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	490.541.681.776	194.540.281.256
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		27.330.279.079.704	13.972.551.230.780
Vốn chủ sở hữu	410	16	27.330.279.079.704	13.972.551.230.780
Vốn cổ phần	411	17	15.170.790.000.000	8.428.749.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.170.790.000.000	8.428.749.560.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.202.198.967.068	674.149.437.068
Cổ phiếu quỹ	415		(1.693.270.000)	(1.093.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		502.000.000.000	502.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.456.983.382.636	4.368.745.233.712
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.456.983.382.636	4.368.745.233.712
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.859.487.895.673	14.184.011.283.206

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	20	78.390.832.436	77.559.819.947
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	21	58.903.382.931	64.205.671.438
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		19.487.449.505	13.354.148.509
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.383.728.942.725	5.679.674.023.028
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			9.359.793.869.120	5.621.075.583.101
Chi phí tài chính	22	23	678.803.840.941	(70.599.619.088)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	20.922.222
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	48.564.330.774	62.276.759.702
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		8.675.848.220.515	5.701.351.030.923
Thu nhập khác	31	25	6.123.361.147	8.114.457.950
Chi phí khác	32		377.389.359	449.759.141
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.745.971.788	7.664.698.809
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.681.594.192.303	5.709.015.729.732
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	18.357.879.105
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		8.681.594.192.303	5.690.657.850.627

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		8.681.594.192.303	5.709.015.729.732
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		22.455.364.318	21.485.426.512
Các khoản dự phòng	03		(93.386.346.727)	(111.060.541.410)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.414.111	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.611.542.411.710)	(5.639.734.022.928)
Chi phí lãi vay	06		-	20.922.222
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(877.787.705)	(20.272.485.872)
Biến động các khoản phải thu	09		18.525.482.216	(24.598.059.731)
Biến động hàng tồn kho	10		(178.212.379)	6.723.433
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		15.992.767.379	4.034.100.478
Biến động chi phí trả trước	12		(29.231.953.715)	(1.333.371.847)
			4.230.295.796	(42.163.093.539)
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.922.222)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.000.000.000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(107.091.863.671)	(59.903.470.887)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(107.882.490.097)	(102.066.564.426)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(14.907.928.524)	(16.678.240.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	500.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.374.350.000.000)	(1.409.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.329.450.000.000	1.409.350.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(17.086.350.000.000)	(4.209.803.484.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.432.432.695.518	1.545.780.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		10.615.840.603.360	4.031.288.987.870
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.097.884.629.646)	1.351.137.263.870

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		5.056.285.360.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	166.600.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(166.600.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(63.505.500)	(1.098.851.717.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.056.221.854.500	(1.098.851.717.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(149.545.265.243)	150.218.981.944
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		664.810.224.233	514.591.242.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.414.111)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	515.263.544.879	664.810.224.233

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởngTrần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

1.2 Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng và đầu tư tài chính.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 11 công ty con cấp 1 (1/1/2017: 12 công ty con cấp 1 và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 88 nhân viên (1/1/2017: 85 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

3.3.1 Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.3.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

3.5.1 Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

3.5.2 Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |

3.6 Tài sản cố định vô hình

3.6.1 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

3.6.2 Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư cho thuê

3.7.1 Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

3.7.2 Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

3.8 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.9 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

3.10 Vốn cổ phần

3.10.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

3.10.2 Thu hồi cổ phiếu thưởng cho người lao động làm cổ phiếu quỹ

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho người lao động đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

3.11 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

3.11.1 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

3.11.2 Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



3.12 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.13 Doanh thu và thu nhập khác

3.13.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

3.13.2 Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

3.13.3 Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

3.13.4 Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***3.14 Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

3.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	38.951.502	385.877.143
Tiền gửi ngân hàng	12.614.593.377	7.324.347.090
Các khoản tương đương tiền	502.610.000.000	657.100.000.000
	515.263.544.879	664.810.224.233

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào:

- Công ty con
 - Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông
 - Công ty CP Năng lượng Hòa Phát (i)
 - Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương (trước đây là Công ty CP Thép Hòa Phát) (ii)
 - Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất (iii)
 - Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên (trước đây là Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát)
 - Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát (iv)
 - Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát
 - Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát
 - Công ty CP Nội Thất Hòa Phát
 - Công ty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát
 - Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát (v)
 - Công ty CP Golden Gain Việt Nam (vi)
 - Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (vii)

▪ Công ty liên kết

- Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG (viii)

▪ Đơn vị khác

- Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội

Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác được thành lập tại Việt Nam.

	31/12/2017			1/1/2017		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
	99,96%	99,96%	845.030.800.000	-	845.030.800.000	(93.386.346.727)
	-	-	-	-	1.238.350.000.000	-
	99,99%	99,99%	3.595.924.000.000	-	2.595.924.000.000	-
	98,67%	98,67%	14.800.000.000.000	-	-	-
	100,00%	100,00%	600.000.000.000	-	600.000.000.000	-
	99,95%	99,95%	999.500.000.000	-	799.500.000.000	-
	100,00%	100,00%	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
	99,72%	99,72%	179.500.000.000	-	179.500.000.000	-
	99,60%	99,60%	398.400.000.000	-	398.400.000.000	-
	99,67%	99,67%	149.500.000.000	-	149.500.000.000	-
	99,67%	99,67%	598.000.000.000	-	299.000.000.000	-
	-	-	-	-	960.539.226.533	-
	99,99%	99,99%	2.879.850.000.000	-	2.092.500.000.000	-
			26.045.704.800.000	-	11.158.244.026.533	(93.386.346.727)
	-	-	-	-	5.730.000.000	-
	7%	7%	700.000.000	-	700.000.000	-
			26.046.404.800.000	-	11.164.674.026.533	(93.386.346.727)
						(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Đây là công ty con cấp 1 được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương (trước đây là Công ty CP Thép Hòa Phát) trong năm và trở thành công ty con cấp 2 của Công ty.
- (ii) Trong năm, Công ty đã góp thêm 1.000.000 triệu VND bằng tiền vào Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương (trước đây là Công ty CP Thép Hòa Phát).
- (iii) Đây là công ty con mới thành lập trong năm.
- (iv) Trong năm, Công ty đã góp thêm 200.000 triệu VND bằng tiền vào Công ty TNHH Ông Thép Hòa Phát.
- (v) Trong năm, Công ty đã góp thêm 299.000 triệu VND bằng tiền vào Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát.
- (vi) Đây là công ty con cấp 1 được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát trong năm và trở thành công ty con cấp 2 của Công ty.
- (vii) Trong năm, Công ty đã góp thêm 787.350 triệu VND bằng tiền vào Công ty CP Phát triển Nông Nghiệp Hòa Phát.
- (viii) Công ty liên kết này đã giải thể trong năm.
- (*) Thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn được trình bày tại Thuyết minh 28.5.2.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	156.000.000.000	42.000.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	134.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát	93.000.000.000	129.500.000.000
Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	85.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	45.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng	-	78.500.000.000
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát	-	52.000.000.000
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	-	25.000.000.000
	519.900.000.000	327.000.000.000

Đây là các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho công ty con của Công ty. Trong năm, các khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định là 1% (2016:1%) một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền lãi dự thu	1.447.939.179	1.564.070.836
Phải thu lợi nhuận chuyển về từ công ty con	417.232.532.135	1.649.994.000.000
Phải thu khác	869.129.014	791.258.697
	419.549.600.328	1.652.349.329.533

8. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.461.631.355	41.803.790.030	17.697.704.619	63.963.126.004
Tăng trong năm	-	-	5.245.364.137	5.245.364.137
Số dư cuối năm	4.461.631.355	41.803.790.030	22.943.068.756	69.208.490.141
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.934.611.422	18.968.742.075	14.430.299.150	35.333.652.647
Khấu hao trong năm	783.960.519	5.381.214.407	1.596.057.473	7.761.232.399
Số dư cuối năm	2.718.571.941	24.349.956.482	16.026.356.623	43.094.885.046
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.527.019.933	22.835.047.955	3.267.405.469	28.629.473.357
Số dư cuối năm	1.743.059.414	17.453.833.548	6.916.712.133	26.113.605.095

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 23.349 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 15.338 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	28.755.408.500	3.017.688.140	31.773.096.640
Tăng trong năm	-	196.210.000	196.210.000
Số dư cuối năm	28.755.408.500	3.213.898.140	31.969.306.640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.373.493.696	2.373.493.696
Khấu hao trong năm	-	226.046.035	226.046.035
Số dư cuối năm	-	2.599.539.731	2.599.539.731
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	28.755.408.500	644.194.444	29.399.602.944
Số dư cuối năm	28.755.408.500	614.358.409	29.369.766.909

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 2.355 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.040 triệu VND).

10. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	291.858.675.266
Tăng trong năm	3.564.699.616
Số dư cuối năm	295.423.374.882
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	65.286.771.655
Khấu hao trong năm	14.468.085.884
Số dư cuối năm	79.754.857.539
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	226.571.903.611
Số dư cuối năm	215.668.517.343

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643-645 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	20.901.654.922	-
Số dư cuối năm	20.901.654.922	-

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND
Nhà ở cho cán bộ công nhân viên	17.077.200.000
Tòa nhà 66 Nguyễn Du	3.824.454.922
	20.901.654.922

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****12.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí quảng cáo	17.805.616.521	5.192.212.940
Chi phí thuê văn phòng	10.147.434.018	-
Chi phí khác	1.731.757.822	-
	29.684.808.361	5.192.212.940

12.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.348.046.386	372.354.833	21.363.648	1.741.764.867
Tăng trong năm	-	4.462.366.036	2.094.857.536	6.557.223.572
Phân bổ trong năm	(1.348.046.386)	-	(76.100.411)	(1.424.146.797)
Khác	-	(372.354.833)	(21.363.648)	(393.718.481)
Số dư cuối năm	-	4.462.366.036	2.018.757.125	6.481.123.161

13. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	7.557.858.789	18.100
Bên khác		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	11.855.802.457	-
Công ty TNHH Dentsu Việt Nam	4.872.070.000	-
Các nhà cung cấp khác	5.562.459.964	5.142.460.666
	29.848.191.210	5.142.478.766

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ với thuế phải thu trong năm VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	11.369.174	-	8.922.612.902	(8.922.612.902)	11.369.174	-
Thuế thu nhập cá nhân	195.661.736	3.189.043	1.243.496.173	(558.939.990)	-	492.083.490
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.265.459.752	-	(23.357.879.105)	15.092.419.353	-
Tiền thuế đất	-	-	535.044.239	(535.044.239)	-	-
Thuế khác	-	-	114.940.000	(12.000.000)	-	102.940.000
	207.030.910	8.268.648.795	10.816.093.314	(33.386.476.236)	15.103.788.527	595.023.490

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	194.540.281.256	206.420.271.483
Trích lập trong năm (Thuyết minh 16)	398.481.582.484	47.762.949.267
Sử dụng trong năm	(102.480.181.964)	(59.642.939.494)
Số dư cuối năm	490.541.681.776	194.540.281.256

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận thuần trong năm	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(638.500.000)	300.416.193.231	1.117.008.913.105	9.420.450.233.404
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	5.690.657.850.627	5.690.657.850.627
Trả cổ tức	1.099.235.370.000	-	-	-	(1.099.235.370.000)	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(1.099.263.178.500)	(1.099.263.178.500)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	(454.500.000)	-	454.500.000	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	201.583.806.769	(201.583.806.769)	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(47.762.949.267)	(47.762.949.267)
Biến động khác	-	-	-	-	(90.000.000)	(90.000.000)
	-	-	-	-	8.559.274.516	8.559.274.516
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	8.428.749.560.000	674.149.437.068	(1.093.000.000)	502.000.000.000	4.368.745.233.712	13.972.551.230.780
Vốn cổ phần (*)	2.528.235.830.000	2.528.235.830.000	-	-	-	5.056.471.660.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	8.681.594.192.303	8.681.594.192.303
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 18)	4.213.804.610.000	-	-	-	(4.213.804.610.000)	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(600.270.000)	-	600.270.000	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(398.481.582.484)	(398.481.582.484)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(28.000.000)	(28.000.000)
Biến động khác	-	(186.300.000)	-	-	18.357.879.105	18.171.579.105
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	15.170.790.000.000	3.202.198.967.068	(1.693.270.000)	502.000.000.000	8.456.983.382.636	27.330.279.079.704

(*) Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu trong năm chủ yếu được sử dụng để đầu tư vào Dự án Khu liên hợp Sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất – Giai đoạn II (“Dự án Giai đoạn II”), Công ty đã góp 5.000 tỷ VND nguồn vốn đối ứng cho Dự án Giai đoạn II trong tháng 8 năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Dự án Giai đoạn II đã sử dụng 1.764 tỷ từ nguồn vốn đối ứng này. Dự án dự kiến sẽ hoàn thành vào Quý 3 năm 2019.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.517.079.000	15.170.790.000.000	842.874.956	8.428.749.560.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.517.079.000	15.170.790.000.000	842.874.956	8.428.749.560.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(169.327)	(1.693.270.000)	(109.300)	(1.093.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.516.909.673	15.169.096.730.000	842.765.656	8.427.656.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	842.765.656	8.427.656.560.000	732.887.569	7.328.875.690.000
Phát hành cổ phiếu trong năm	252.823.583	2.528.235.830.000	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	421.380.461	4.213.804.610.000	109.923.537	1.099.235.370.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(60.027)	(600.270.000)	(45.450)	(454.500.000)
Số dư cuối năm	1.516.909.673	15.169.096.730.000	842.765.656	8.427.656.560.000

18. Cổ tức

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông theo tỷ lệ 50% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thưởng được nhận 5 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức). Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 10 tháng 3 năm 2017 và đã được thực hiện trong Quý 1 và Quý 2 năm 2017.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****19.1 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.154	26.150.772	1.315	29.512.098
EUR	-	-	104	2.536.435
		<u>26.150.772</u>		<u>32.048.533</u>

19.2 Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	22.861.626.010	525.262.374
Trong vòng hai đến năm năm	91.446.504.041	2.101.049.496
Sau năm năm	121.694.102.489	11.468.228.499
	<u>236.002.232.540</u>	<u>14.094.540.369</u>

20. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị cho thuê tài sản và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	27.884.640.000	26.241.600.000
▪ Cung cấp dịch vụ	50.506.192.436	51.318.219.947
	<u>78.390.832.436</u>	<u>77.559.819.947</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	13.981.422.624	12.961.352.808
▪ Dịch vụ đã cung cấp	44.921.960.307	51.244.318.630
	58.903.382.931	64.205.671.438

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	23.935.073.605	58.598.439.927
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	9.359.793.869.120	5.621.075.583.101
	9.383.728.942.725	5.679.674.023.028

23. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	-	20.922.222
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(93.386.346.727)	(111.060.541.410)
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)	772.186.531.015	40.440.000.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.242.542	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.414.111	-
	678.803.840.941	(70.599.619.088)

(*) Là khoản lỗ thanh lý khoản đầu tư dài hạn trong năm do Công ty đã chuyển nhượng Công ty CP Golden Gain Việt Nam và Công ty CP Năng lượng Hòa Phát tương ứng cho Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương (trước đây là Công ty CP Thép Hòa Phát) và Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát và giải thể công ty liên kết. Giá chuyển nhượng các công ty con được xác định bằng số cổ phần Công ty nắm giữ theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	14.306.629.500	12.576.942.045
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	3.204.885.443	6.492.550.129
Chi phí khấu hao	8.096.552.188	8.074.314.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.238.746.209	18.917.148.913
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.717.517.434	16.215.803.951
	48.564.330.774	62.276.759.702

25. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	500.000.000
Thu nhập từ cho thuê xe	2.524.276.368	2.253.730.912
Thu nhập từ tiền điện, tiền ăn	3.279.143.692	5.248.351.476
Thu nhập khác	319.941.087	112.375.562
	6.123.361.147	8.114.457.950

26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	14.306.629.500	12.576.942.045
Chi phí khấu hao	22.455.364.318	21.485.426.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.365.591.959	76.482.569.230
Chi phí khác	8.717.517.434	16.387.252.393

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Thuế thu nhập

27.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Năm hiện hành	-	18.357.879.105

27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.681.594.192.303	5.709.015.729.732
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.414.111	-
Chi phí không được khấu trừ	752.121.402.644	3.849.248.896
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con sau thuế TNDN	(9.359.793.869.120)	(5.621.075.583.101)
	73.923.139.938	91.789.395.527
Lỗ tính thuế được sử dụng	(73.923.139.938)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	91.789.395.527
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	18.357.879.105

27.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

28. Các công cụ tài chính

28.1 Quản lý rủi ro tài chính

28.1.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

28.1.2 Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay các công ty con.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	1/1/2017 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	515.225	664.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác ngắn hạn và dài hạn	(b)	425.082	1.677.157
Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn	(c)	519.900	475.000
		1.460.207	2.816.581

28.2.1 Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

28.2.2 Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

28.2.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty là các khoản cho vay các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	31.931	31.931	31.931
Ngày 1 tháng 1 năm 2017			
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	7.409	7.409	7.409

28.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28.4.1 Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chỉ có tài sản tiền tệ là 1.154 USD (1/1/2017: 1.315 USD và 104 EUR) tiền mặt bằng ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty.

28.4.2 Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính hưởng lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	1/1/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Các công cụ tài chính chịu hưởng lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	1.022.510	1.132.100

Do đó, biến động lãi suất không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

28.5 Giá trị hợp lý**28.5.1 So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	515.264	515.264	664.810	664.810
- Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	420.983	420.983	1.677.153	1.677.153
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	519.900	519.900	327.000	327.000
- Phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác	4.099	(*)	148.004	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	26.046.405	(*)	11.071.288	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(31.931)	(31.931)	(7.409)	(7.409)
	27.474.720	(*)	13.880.846	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**28.5.2 Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.775.760.000	1.512.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	35.676.171.158	37.910.872.533
<i>Công ty CP Nội thất Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	10.137.600.000	9.878.350.286
Các khoản cho vay	11.000.000.000	25.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	36.000.000.000	25.600.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	362.215.386.374	310.486.491.712
<i>Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	12.244.264.597	15.930.564.091
Các khoản cho vay	495.450.000.000	627.700.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	495.450.000.000	627.700.000.000
Góp vốn	200.000.000.000	250.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	897.856.090.071	1.433.834.759.514
<i>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	2.682.429.199	2.234.400.000
Các khoản cho vay	6.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	5.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	103.886.773.837	30.918.975.360

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
<i>Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương (trước đây là Công ty CP Thép Hòa Phát)</i>		
Cung cấp dịch vụ	30.667.550.000	24.618.904.726
Các khoản cho vay	20.000.000.000	100.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	20.000.000.000	100.000.000.000
Góp vốn	1.000.000.000.000	263.986.800.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	6.061.874.559.995	2.477.976.000.000
<i>Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất</i>		
Cung cấp dịch vụ	2.394.000.000	-
Góp vốn	14.800.000.000.000	-
<i>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	436.800.000
Các khoản cho vay	-	183.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	148.000.000.000	302.000.000.000
Chuyển nhượng công ty con cấp 1	-	98.420.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	40.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên (trước đây là Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát)</i>		
Cung cấp dịch vụ	11.198.028.640	13.994.400.844
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	506.047.608.809	450.496.575.158
<i>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</i>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	288.423.915.799	170.886.356.597
Chuyển nhượng công ty con cấp 1	960.539.226.533	-
<i>Công ty CP Năng lượng Hoà Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	348.600.000	1.394.400.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	751.956.354.553	599.340.000.000
Chuyển nhượng công ty con cấp 1	1.238.350.000.000	-
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	2.553.600.000	2.553.600.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	311.857.008.524	109.225.552.227
Các khoản cho vay	134.000.000.000	-
Góp vốn	299.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.360.800.000	-
Các khoản đi vay	-	166.600.000.000
Thanh toán các khoản vay	-	166.600.000.000
Các khoản cho vay	166.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	166.000.000.000	-
Góp vốn	-	1.000.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
<i>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</i>		
Góp vốn	787.350.000.000	2.092.500.000.000
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	-	1.447.360.000.000
<i>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	991.200.000	991.200.000
Các khoản cho vay	5.000.000.000	112.600.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	5.000.000.000	112.600.000.000
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	-	299.500.000.000
<i>Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	577.500.000	2.310.000.000
Góp vốn	-	150.000.000.000
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	-	340.140.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.459.500.000	1.705.200.000
Các khoản cho vay	45.000.000.000	262.400.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	81.500.000.000	132.900.000.000
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	-	300.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai</i>		
Các khoản cho vay	135.400.000.000	4.600.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	50.000.000.000	4.600.000.000
Góp vốn	-	235.156.684.000
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	-	300.000.000.100
<i>Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình</i>		
Góp vốn	-	218.160.000.000
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	-	218.160.000.000
Các khoản cho vay	62.500.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	17.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Phát Mitraco</i>		
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	-	98.420.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Đà Nẵng</i>		
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	-	30.000.000.000



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước</i>		
Các khoản cho vay	214.000.000.000	42.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	100.000.000.000	
<i>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	58.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	52.000.000.000	6.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng</i>		
Nhận thanh toán gốc cho vay	78.500.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên</i>		
Các khoản cho vay	8.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	8.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Bình</i>		
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	2.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	70.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	70.000.000.000	-
Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	1.893.934.466	1.959.336.620
Thù lao	1.225.240.000	4.085.538.462

30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.213.804.610.000	1.099.235.370.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, hai công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát và Công ty CP Thép Hòa Phát đã được đổi tên tương ứng thành Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên và Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương.

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

